

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊNH PHỐ THỦ ĐỨC
THỊNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ THỦ ĐỨC, THỊNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *THịnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân
thịnh phố Thủ Đức.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thịnh phố Thủ Đức tham gia phiên
tòa:*** Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thịnh phố Thủ Đức đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4397/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 5143/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đ T T H1, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: phường Bình Thọ, thịnh phố Thủ Đức, thịnh phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông T H H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: phường Bình Thọ, thịnh phố Thủ Đức, thịnh phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Đ T T H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T H H tự nguyện kết hôn từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2013 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Đông, Hện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/7/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống khá hạnh phúc. Sau đó thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và tình cảm. Rất nhiều lần, cả hai đã cùng nói chuyện với nhau để H1n gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy các con nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không được cải thiện. Vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, sự chia sẻ và cảm thông; cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay tại Tòa, bà xác định không còn tình cảm với ông H, yêu cầu Tòa án giải quyết dứt khoát cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà và ông T H H có 02 con chung tên Tr Ng A Nh, sinh ngày 26/5/2014 và Tr T K, sinh ngày 02/02/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, bà có nơi ở ổn định, vẫn ở phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức; đồng thời có thu nhập và khả năng tốt để nuôi dưỡng các con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông T H H đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đến khi xét xử mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đ T T H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Đ T T H1 xin ly hôn với ông T H H, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông H hiện đang cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và tiến hành triệu tập đối với bị đơn ông T H H, yêu cầu ông H đến Tòa để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án. Phiên tòa được mở lần thứ 02 nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông T H H.

Nguyên đơn Bà Đ T T H1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến H1nh xét xử vắng mặt bà H1.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông T H H và Bà Đ T T H1 tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2013 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Đông, Hện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/7/2013. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông H và bà H1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đ T T H1 yêu cầu được ly hôn với ông T H H vì vợ chồng không còn lòng tin và sự chia sẻ với nhau; bà và ông H đã nhiều lần cùng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có tiến triển tốt. Xét thấy, Tòa án đã tạo điều kiện để ông H đến Tòa làm việc, tiến H1nh hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do là đã không thể hiện ý chí muốn H1n gắn tình cảm. Bà H1 trình bày cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, rất mệt mỏi, gây nhiều áp lực về tinh thần. Như vậy, hôn nhân giữa bà H1 và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Đ T T H1 và ông T H H có 02 con chung tên Tr Ng A Nh, sinh ngày 26/5/2014 và Tr T K, sinh ngày 02/02/2019. Bà H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy 02 con chung tên Tr Ng A Nh, sinh ngày 26/5/2014 và Tr T K, sinh ngày 02/02/2019 còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ; hiện các con chung được bà H1nuôi dưỡng, chăm sóc tốt; bà H1 có thu nhập và nơi ở ổn định; con chung tên Tr Ng A Nh trình bày nguyện vọng muốn sống với mẹ. Ông H không đến Tòa để trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó để bảo đảm môi trường sống ổn định và điều kiện tốt để con chung phát triển về thể chất, tinh thần nên giao 02 con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H1 không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đ T T H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đ T T H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ T T H1 được ly hôn với ông T H H (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2013 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Đông, Hện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/7/2013).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Tr Ng A Nh, sinh ngày 26/5/2014 và Tr T K, sinh ngày 02/02/2019 cho Bà Đ T T H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Đ T T H1 về việc không yêu cầu ông T H H cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ T T H1 xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình:

Bà Đ T T H1 phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H1 đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 25600 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi H1nh án dân sự tH1nh phố Thủ Đức. Bà H1 đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi

Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Đ T T H1, ông T H H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Đức;
- THA DS TP. Thủ Đức;
- TATP;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Đông,
Huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Nga